

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
đã được soát xét

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 24

0305
CC
KIẾ
VN1-T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Hữu Nghị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Khái quát

Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21/03/2002 của Thủ Tướng Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0302641539 ngày 05/06/2002, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 12 ngày 18/02/2025 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm ngành may ; in nhãn hiệu các loại ; kinh doanh thiết bị, phụ tùng máy may, nguyên phụ liệu ngành may. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở, máy móc thiết bị ngành may, xe ô tô, xe tải ; kinh doanh bất động sản ; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Duyệt	Chủ tịch
Ông Hà Văn Nghĩa	Thành viên
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên
Ông Hà Văn Long	Thành viên
Ông Lê Mạc Thuần	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Văn Duyệt	Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Long	Phó tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Nghĩa	Phó tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Hà	Phó tổng Giám đốc
Ông Hà Hải Ninh	Giám đốc điều hành
Ông Kiều Ngọc Mạnh Hùng	Giám đốc điều hành

Ban kiểm soát

Ông Dương Thanh Tùng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên
Bà Vũ Thị Nụ	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

2138
ÔNG
TNH
M T
IV
P. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Hà Văn Duyệt
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

34 - C
TY
H
DÁN
4
CHỈ

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị được lập ngày 06 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2024 đến 30 tháng 06 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi đơn vị kiểm toán và kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán độc lập số 1807.01.2/2024/BCTC-NTV2 ngày 08 tháng 03 năm 2025 và báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 1807.01.1/2024/BCTC-NTV2 ngày 13 tháng 08 năm 2024.



Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Tình

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3919-2022-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		610.292.980.099	620.029.094.940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	141.192.487.436	323.365.091.248
1. Tiền	111		84.392.487.436	131.465.091.248
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.800.000.000	191.900.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		343.999.051.971	197.592.954.462
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	315.140.323.089	179.303.686.240
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.201.856.009	324.708.326
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	26.656.872.873	17.964.559.896
III. Hàng tồn kho	140	V.5	79.439.612.680	64.717.891.381
1. Hàng tồn kho	141		79.439.612.680	64.717.891.381
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.661.828.012	34.353.157.849
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.572.304.169	34.263.634.006
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	89.523.843	89.523.843
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.802.144.971	138.696.632.655
I. Tài sản cố định	220		83.493.775.639	94.334.203.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	74.740.462.833	85.545.807.068
- Nguyên giá	222		362.622.232.360	360.765.201.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(287.881.769.527)	(275.219.393.973)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.753.312.806	8.788.396.143
- Nguyên giá	228		11.368.644.950	11.368.644.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.615.332.144)	(2.580.248.807)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.886.694.819	40.917.859.217
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	51.886.694.819	40.917.859.217
III. Tài sản dài hạn khác	260		421.674.513	3.444.570.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	421.674.513	3.444.570.227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		746.095.125.070	758.725.727.595

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		287.030.893.212	276.668.317.005
I. Nợ ngắn hạn	310		287.030.893.212	276.668.317.005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	31.427.890.178	38.758.463.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	30.009.646.179	38.144.509.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	10.289.725.249	21.509.863.759
4. Phải trả người lao động	314		147.961.821.431	133.918.441.265
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.109.894.239	1.115.817.599
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	13.223.107.127	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.008.808.809	43.221.221.752
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		459.064.231.858	482.057.410.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	459.064.231.858	482.057.410.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		165.869.028.795	108.439.361.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.417.203.063	135.840.049.190
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		29.936.178.621	29.936.178.621
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.481.024.442	105.903.870.569
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		746.095.125.070	758.725.727.595

Người lập/ Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		549.653.512.212	573.079.994.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	549.653.512.212	573.079.994.937
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	484.062.979.267	506.612.135.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.590.532.945	66.467.859.735
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.476.458.797	12.786.988.493
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.541.486.231	3.157.920.417
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		961.225	142.770.849
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.371.778.634	8.727.330.985
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	36.251.971.798	34.676.734.786
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.901.755.079	32.692.862.040
11. Thu nhập khác	31	VI.7	403.818.682	229.944.581
12. Chi phí khác	32	VI.8	79.293.208	303.313.799
13. Lợi nhuận khác	40		324.525.474	(73.369.218)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.226.280.553	32.619.492.822
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	6.745.256.111	6.823.898.564
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.481.024.442	25.795.594.258
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	964	976

Người lập/ Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát



Tổng Giám đốc

Hà Văn Duyệt

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.226.280.553	32.619.492.822
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.789.257.591	11.530.647.851
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(311.741.741)	(124.925.328)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.473.578.301)	(1.249.594.916)
- Chi phí lãi vay	06	961.225	142.770.849
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	41.231.179.327	42.918.391.278
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(157.713.609.474)	57.680.361.922
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.721.721.299)	(80.876.295.696)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.643.565	59.750.692.160
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.022.895.714	1.438.126.599
- Tiền lãi vay đã trả	14	(961.225)	(142.770.849)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.438.322.006)	(12.678.430.706)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.019.916.117)	(1.623.087.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(150.601.811.515)	66.466.987.526
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.917.665.621)	(5.910.018.866)
2. Tiền thu lãi cho vay	27	3.473.578.301	1.249.594.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.444.087.320)	(4.660.423.950)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.223.107.127	26.291.426.826
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.666.700.000)	(35.666.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.443.592.873)	(9.375.273.174)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(182.489.491.708)	52.431.290.402
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	323.365.091.248	257.963.398.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	316.887.896	183.806.730
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	141.192.487.436	310.578.495.984

Người lập/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát



Hà Văn Duyệt

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21/03/2002 của Thủ Tướng Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0302641539 ngày 05/06/2002, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 12 ngày 18/02/2025 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 2.529 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.481 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm ngành may ; in nhãn hiệu các loại ; kinh doanh thiết bị, phụ tùng máy may, nguyên phụ liệu ngành may. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở, máy móc thiết bị ngành may, xe ô tô, xe tải ; kinh doanh bất động sản ; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

7. Nguyên tắc nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

213
ĐNC
TNI
M
IV
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

17. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	835.757.026	2.498.032.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	83.556.730.410	128.967.059.248
Các khoản tương đương tiền (*)	56.800.000.000	191.900.000.000
Cộng	141.192.487.436	323.365.091.248

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, hưởng lãi suất 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lãi suất 3,2%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên thứ ba		
Columbia Sportswear	300.631.411.322	167.370.348.366
Mrg Design Llc	5.470.571.418	-
SynergyTX Co., Ltd	3.285.504.780	8.123.510.870
Phải thu khách hàng khác	5.752.835.569	3.809.827.004
Cộng	315.140.323.089	179.303.686.240

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên thứ ba		
Kai Cherng Enterprise Co.,Ltd	1.524.636.977	-
MarSys Co., LIMITED.	305.936.064	-
Các khách hàng khác	371.282.968	324.708.326
Cộng	2.201.856.009	324.708.326

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên thứ ba		
Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp	20.304.672.862	17.687.297.398
Tạm ứng	6.352.200.011	-
Phải thu khác	-	277.262.498
Cộng	26.656.872.873	17.964.559.896

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Hàng tồn kho

	30/06/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.220.131.002	-	7.343.034.318	-
Công cụ, dụng cụ	43.086.364	-	31.150.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.339.733.834	-	15.428.593.042	-
Thành phẩm	39.836.661.480	-	41.915.114.021	-
Cộng	79.439.612.680	-	64.717.891.381	-

6. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	421.674.513	3.444.570.227
Cộng	421.674.513	3.444.570.227



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	175.044.499.711	123.023.602.492	30.337.464.692	32.359.634.146	360.765.201.041
Số tăng trong kỳ	118.518.519	1.796.444.500	-	33.867.000	1.948.830.019
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	118.518.519	-	-	-	118.518.519
- Mua trong kỳ	-	1.796.444.500	-	33.867.000	1.830.311.500
Số giảm trong kỳ	-	91.798.700	-	-	91.798.700
- Giảm khác	-	91.798.700	-	-	91.798.700
Số dư cuối năm	175.163.018.230	124.728.248.292	30.337.464.692	32.393.501.146	362.622.232.360
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	113.128.000.815	109.704.295.828	20.967.516.419	31.419.580.911	275.219.393.973
Số tăng trong kỳ	7.153.885.052	3.881.864.972	1.341.729.668	376.694.562	12.754.174.254
- Khấu hao trong kỳ	7.153.885.052	3.881.864.972	1.341.729.668	376.694.562	12.754.174.254
Số giảm trong kỳ	-	91.798.700	-	-	91.798.700
- Giảm khác	-	91.798.700	-	-	91.798.700
Số dư cuối kỳ	120.281.885.867	113.494.362.100	22.309.246.087	31.796.275.473	287.881.769.527
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	61.916.498.896	13.319.306.664	9.369.948.273	940.053.235	85.545.807.068
Tại ngày cuối kỳ	54.881.132.363	11.233.886.192	8.028.218.605	597.225.673	74.740.462.833

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 205.785.222.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 179.237.162.811 đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có tài sản cố định hữu hình thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.724.076.700	2.644.568.250	11.368.644.950
Số dư cuối kỳ	8.724.076.700	2.644.568.250	11.368.644.950
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.580.248.807	2.580.248.807
Khấu hao trong kỳ	-	35.083.337	35.083.337
Số dư cuối kỳ	-	2.615.332.144	2.615.332.144
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.724.076.700	64.319.443	8.788.396.143
Tại ngày cuối kỳ	8.724.076.700	29.236.106	8.753.312.806

Quyền sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh với nguyên giá 6.585.438.800 đồng.

Quyền sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp Xã Rạch Kiến, Tỉnh Tây Ninh với nguyên giá 2.138.637.900 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 2.434.068.250 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.434.068.250 đồng).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí mua nhà văn phòng trên khu đất thuê của nhà nước đang làm thủ tục chủ quyền nhà và ký hợp đồng thuê đất sang Công ty	21.042.418.477	21.042.418.477
Công trình cải tạo mở rộng phân xưởng 5, 6 của Xí nghiệp 6	30.844.276.342	19.875.440.740
Cộng	51.886.694.819	40.917.859.217

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên thứ ba		
Cty TNHH Formosa Taffeta VN	6.243.853.665	19.175.176.404
Universal Star Corporation	2.769.895.982	306.546.574
Công ty Cổ phần Dệt Trần Hiệp Thành	2.056.076.241	-
Công ty TNHH Công Nghiệp De Licacy Việt Nam	114.022.981	5.849.975.491
Phải trả người bán khác (*)	20.244.041.309	13.426.765.047
Cộng	31.427.890.178	38.758.463.516

(*) Không có đối tượng nào có số dư nợ chiếm trên 10% của tổng số dư.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên thứ ba		
Stx Company Limited - Jp	28.720.646.179	36.332.781.927
Các đối tượng khác	1.289.000.000	1.811.727.187
Cộng	30.009.646.179	38.144.509.114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

Phải nộp	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.439.756.409	6.745.256.111	19.438.322.006	4.746.690.514
Thuế thu nhập cá nhân	679.108.162	4.460.501.490	4.973.225.080	166.384.572
Thuế nhà thầu	48.759.364	378.776.094	386.594.080	40.941.378
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	3.319.019.824	3.843.303.627	1.826.614.666	5.335.708.785
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản nộp khác	23.220.000	-	23.220.000	-
Cộng	21.509.863.759	15.432.837.322	26.652.975.832	10.289.725.249

Phải thu	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2025 VND
Thuế nhập khẩu	89.523.843	-	-	89.523.843
Cộng	89.523.843	-	-	89.523.843

13. Phải trả ngắn hạn khác

Bên thứ ba	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	934.060.096	939.983.456
Phải trả ngắn hạn khác	175.834.143	175.834.143
Cộng	1.109.894.239	1.115.817.599

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Bên thứ ba	01/01/2025 VND	Tăng	Giảm	30/06/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (i)	-	13.223.107.127	-	13.223.107.127
Cộng	-	13.223.107.127	-	13.223.107.127

- (i) Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cho vay số 0171-01/SGN.KHDN/LD25 ngày 06 tháng 06 năm 2025 với hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng. Thời hạn vay không quá 06 tháng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ và hiện là 3,9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	237.789.000.000	(11.000.000)	78.809.065.405	103.410.037.707	419.997.103.112
Lãi trong năm trước				105.903.870.569	105.903.870.569
Phân phối lợi nhuận trong năm trước			29.630.295.995	(73.473.859.086)	(43.843.563.091)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển			29.630.295.995	(29.630.295.995)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(7.347.385.909)	(7.347.385.909)
- Chia cổ tức năm 2023				(35.666.700.000)	(35.666.700.000)
- Chi thường lợi nhuận vượt kế hoạch cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Kế toán trưởng năm 2023				(829.477.182)	(829.477.182)
Số dư cuối năm trước	237.789.000.000	(11.000.000)	108.439.361.400	135.840.049.190	482.057.410.590
Lãi trong kỳ này				25.481.024.442	25.481.024.442
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này			57.429.667.395	(105.903.870.569)	(48.474.203.174)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển			57.429.667.395	(57.429.667.395)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(10.590.387.057)	(10.590.387.057)
- Chia cổ tức năm 2024				(35.666.700.000)	(35.666.700.000)
- Chi thường lợi nhuận vượt kế hoạch cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Kế toán trưởng năm 2024				(2.217.116.117)	(2.217.116.117)
Số dư cuối kỳ này	237.789.000.000	(11.000.000)	165.869.028.795	55.417.203.063	459.064.231.858

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/06/2025</u> VND	%	<u>01/01/2025</u> VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	69.533.920.000	29,24	69.533.920.000	29,24
Ông Hà Văn Duyệt	26.181.740.000	11,01	26.181.740.000	11,01
Vốn góp của cổ đông khác	<u>142.073.340.000</u>	<u>59,75</u>	<u>142.073.340.000</u>	<u>59,75</u>
Cộng	<u>237.789.000.000</u>	100	<u>237.789.000.000</u>	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u> VND	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u> VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	237.789.000.000	237.789.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	237.789.000.000	237.789.000.000
Cổ tức đã chia	(35.666.700.000)	(35.666.700.000)

e) Cổ phiếu

	<u>30/06/2025</u> Cổ phiếu	<u>01/01/2025</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.778.900	23.778.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.778.900	23.778.900
- Cổ phiếu phổ thông	23.778.900	23.778.900
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.100	1.100
- Cổ phiếu phổ thông	1.100	1.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.777.800	23.777.800
- Cổ phiếu phổ thông	23.777.800	23.777.800

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Ngoại tệ các loại - USD	2.827.712,00	4.710.322,23

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u> VND	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u> VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	549.653.512.212	572.726.453.102
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	353.541.835
Cộng	<u>549.653.512.212</u>	<u>573.079.994.937</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u> VND	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u> VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	484.062.979.267	506.612.135.202
Cộng	<u>484.062.979.267</u>	<u>506.612.135.202</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.473.578.301	1.249.594.916
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.002.880.496	11.537.393.577
Cộng	11.476.458.797	12.786.988.493
4. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lãi vay	961.225	142.770.849
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.540.525.006	2.036.255.703
Chi phí tài chính khác	-	978.893.865
Cộng	1.541.486.231	3.157.920.417
5. Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.643.004.568	6.336.767.939
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.728.774.066	2.390.563.046
Cộng	7.371.778.634	8.727.330.985
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.891.338.654	27.086.755.870
Chi phí đồ dùng văn phòng	529.989.867	590.604.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.752.586	873.822.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.392.397.669	2.939.645.233
Chi phí khác bằng tiền	3.734.493.022	3.185.906.457
Cộng	36.251.971.798	34.676.734.786
7. Thu nhập khác	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời	99.774.620	110.189.501
Thu nhập khác	304.044.062	119.755.080
Cộng	403.818.682	229.944.581

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí vi phạm hành chính	79.293.208	22.745.128
Chi phí khác	-	280.568.671
Cộng	79.293.208	303.313.799

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
lợi nhuận kế toán trước thuế	32.226.280.553	32.619.492.822
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	33.726.280.553	34.119.492.822
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.745.256.111	6.823.898.564

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.481.024.442	25.795.594.258
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông (i)	(2.548.102.444)	(2.579.559.425)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	22.932.921.998	23.216.034.833
Số cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.777.800	23.777.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	964	976

(i) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong kỳ là phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế kỳ này (căn cứ theo tỷ lệ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2025 ngày 20 tháng 4 năm 2025).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.555.154.130	326.163.926.043
Chi phí nhân công	234.795.510.055	227.072.302.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.789.257.591	11.530.647.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.721.853.075	23.279.395.810
Chi phí khác bằng tiền	13.657.643.099	12.938.013.290
Cộng	536.519.417.950	600.984.285.459

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vay theo kế ước thông thường	13.223.107.127	26.291.426.826

VIII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Hà Văn Duyệt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Hà Văn Long	Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Giao dịch và số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Thành viên, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty không có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

b. Số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- c. Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị	153.000.000	153.000.000
Ông Hà Văn Duyệt	45.000.000	45.000.000
Ông Hà Văn Nghĩa	27.000.000	27.000.000
Ông Hà Văn Long	27.000.000	27.000.000
Ông Lê Mạc Thuần	27.000.000	27.000.000
Bà Vũ Thị Thùy Dương	27.000.000	27.000.000
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát	57.000.000	57.000.000
Ông Dương Thanh Tùng	27.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	15.000.000	15.000.000
Bà Vũ Thị Nụ	15.000.000	15.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	3.586.255.364	2.520.783.926
Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.586.255.364	2.520.783.926
Những người quản lý khác	4.692.907.031	4.479.231.011
Lương, thưởng và phúc lợi khác	4.692.907.031	4.479.231.011

2. Thông tin về các bên liên quan khác

a. Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không có giao dịch với các bên liên quan khác.

b. Số dư công nợ cuối kỳ với các bên liên quan khác

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có số dư công nợ với các bên liên quan khác.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm các sản phẩm ngành may, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán và soát xét.

7-C
TY
I
AN
A
CHIT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

